

DÂN CA VIỆT NAM

Trần Quang Hải

Paris, Pháp

Tiến sĩ Trần Quang Hải hiện đang làm việc tại Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học (National Center for Scientific Research) của nước Pháp với chức vụ nghiên cứu gia về dân tộc nhạc học (ethnomusicologist) chuyên về nhạc Việt Nam và nhạc Á châu, đặc biệt về giọng hát.

--oOo--

Dân ca Việt Nam rất là phong phú. Tất cả những bài ca do dân quê sáng tác và không thuộc nhạc triều đình, nhạc thánh phòng, nhạc tôn giáo thì được xếp vào loại dân ca.

Xứ Việt Nam với gần 80 triệu người Việt và 53 sắc tộc khác nhau thừa hưởng một truyền thống dân ca đa diện.

Định nghĩa danh từ dân ca, theo tôi, là những bài ca không biết ai là tác giả, được truyền miệng từ đời này sang đời khác, dính liền với đời sống hàng ngày của người dân quê, từ bài hát ru con, sang các bài hát trẻ em lúc vui chơi, đến các loại hát lúc làm việc, hát đối đáp lúc lễ hội thường niên.

Dân ca lại mang một màu sắc địa phương đặc biệt, tùy theo phong tục, ngôn ngữ, giọng nói, và âm nhạc tính từng vùng mà khác đi đôi chút. Nhưng nhìn chung, vẫn là bài hát thoát thai từ lòng dân quê với tính chất mộc mạc, giản dị của nó.

Dân ca Việt Nam được trình bày theo trình tự một đời người, nghĩa là bắt đầu bằng các bài hát ru em khi em bé bắt đầu chào đời, đến khi đứa bé lớn lên, trưởng thành và chết đi, sẽ có những bài hát liên hệ đến từng giai đoạn của một đời người.

Tôi xin bàn về các bài hát ru em và các bài hát nghe trong lúc trẻ em vui chơi, nô đùa. Chúng ta thường nghe lúc còn ấu thơ, được chị, mẹ hay bà ngoại hoặc bà nội ru cho ngủ. Loại hát này được gọi là hát ru (miền Bắc), ru con (miền Trung), hay hát đưa em, ầu ơ ví dầu (miền Nam). Âm giai dùng trong loại hát ru em được thay đổi tùy theo vùng. Ở miền Bắc, hát ru dựa vào thang âm ngũ cung (do-ré-fa-sol-la-do).

Miền Trung sử dụng âm giai tứ cung (do-fa-sol-sib-do), và miền Nam thì chọn âm giai ngũ cung (do-mi-fa-la-do). Người mẹ thường bày tỏ nỗi lòng của mình, hay than van số phận hẩm hiu của mình qua bài ầu ơ ví dầu. Lời ca thường lấy trong ca dao và thể thơ là lục bát.

Ấu ơ.. Gió đưa bụi chuối sau hè

Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ

Con thơ tay ẳ tay bông

Tay dắt mẹ chồng đầu đội thúng bông.

Đến khi đứa trẻ lớn lên, trong lúc chơi giỡn thường hay hát những bài mà đa số các giai điệu đều dựa trên thang âm tam cung (do-fa-sol). Chẳng hạn, khi chơi ú tim, các trẻ em để ngón tay trỏ của mình vào trong lòng bàn tay của một em trong bọn. Một đứa trẻ hát:

Chi chi chành chành

Cái đàn thổi lửa

Con ngựa chết chương

Ba vương thượng hạ

Ba cạ đi tìm

Ú tim oà ập.

Khi nói tới tiếng "ập" thì bàn tay nắm được ngón tay người nào thì người đó nhắm mắt đếm để cho những người khác chạy đi trốn.

Ngoài ra còn có những trò chơi khác như đánh trống, tâng u, đánh dĩa, hoặc là oánh tù tì (từ chữ Anh là one, two, three, nghĩa là một, hai, ba) giúp cho trẻ em Việt Nam giải trí trong khi nhàn rỗi, ngoài giờ học hỏi ở nhà trường.

HỒ

Hồ từ chữ HỒ mà ra, có nghĩa là làm cho giọng mình mạnh hơn. Do đó, Hồ thường đi đôi với việc làm nặng như kéo gỗ, chèo thuyền, đập đá. Nhưng hồ cũng có thể hát lúc nghỉ ngơi, lúc hội hè, lúc đám tang như hồ đưa linh, và có khi dính liền với một vùng nào đó như hồ Nghệ An, hồ Thanh Hóa, hồ Sông Mã, hồ Đồng Tháp.

Có ba loại Hò chánh:

Hò trong lúc làm việc, tiết điệu ăn khớp với động tác, và thường dùng những chữ như dô ta, rô khoan, hụ là khoan, vv...

Hò trong lúc nghỉ xả hơi, thường là hò đối giữa trai gái có tính cách đùa giỡn, chọc ghẹo hay tỏ tình.

Hò trong lúc lễ hội, thường là hò đối đáp để tranh giải.

Hò làm việc thường hò đồng người với nhau. Một người hò trước và tất cả phụ họa theo sau. Người hò chánh gọi là hò cái và những người phụ họa gọi là hò con. Hò chia làm hai phần: lớp trống hay về kể thì do một người hát, còn lớp mái hay về xô thì do toàn thể phụ họa.

Ở miền Nam, hò thường nghe trên sông, hay lúc làm việc ngoài ruộng. Mỗi tỉnh, mỗi vùng có những loại hò đặc biệt. Do đó có tên gọi như hò Bến Tre, hò Cần Thơ, hò Đồng Tháp.

Ở tỉnh Bến Tre, có thể có loại hò như sau:

Hò ở ơ....

Xứ nào vui cho bằng xứ Cù Lao, ở ơ...

Hò ở ơ.....

Tiếng muỗi kêu như ổng sáo thổi

Bông mọc như hàng rào sương lý, ở ơ...

Hoặc xuyên qua câu hò, chúng ta có thể biết người hò thuộc địa phương nào như:

Hò, ở ơ...

Ghe anh nhỏ mũi trắng lườn

Ở trên Gia Định xuống vườn thăm em, ở ơ...

Hò miền Nam gồm có hò ba lý xuất xứ từ bài Bá Lý Hề của cải lương rất được thông dụng giữa các ca sĩ chuyên nghiệp. Hò theo điệu ai oán dùng để kể chuyện. A li hò lơ xuất hiện khoảng 50 năm nay thôi, dùng thể thơ lục bát. Hò lô tô, hò cấy, vv... Các loại hò thường được ứng khẩu tùy hứng, nhạc thì chỉ có một giai điệu duy nhất, hay theo một thang âm đặc biệt miền Nam (do-mi-b-fa-sol-la-do).

Miền Trung là nơi tập trung của nhiều loại hò và nhiều giai điệu hơn hai miền Bắc và Nam. Ngoài loại hò làm việc, hò đối, còn có hò đưa đám ma. Ở Thanh Hóa có hò sông Mã được chia làm năm loại hò tùy theo giai đoạn: hò rời bến, hò dò ngược, hò dò xuôi, hò mắc cạn, hò cập bến, với các đoạn kể, xô nhịp nhàng theo nhịp một, nhịp hai.

Trong khi chèo thuyền, chúng ta còn được nghe các loại hò mái xấp, hò mái nhì, hò mái đẩy. Có giả thuyết cho rằng mái có nghĩa là mái chèo, và còn có giả thuyết khác nữa cho rằng mái là đàn bà đối với trống là đàn ông. Còn xấp có nghĩa là mau hơn, nhì có nghĩa là đôi, là phải hát hai lần, còn đẩy có nghĩa là làm cho thuyền đi tới. Ở vùng Thừa Thiên, Quảng Trị còn nghe hò mái ba nghĩa là phải hát ba lần.

Các loại hò làm việc như hò đập nước, hò tát nước, hò khiêng nước, hò xay lúa, hò giã gạo, hò giã đậu, hò giã vôi, hò mài dũa, vv...

Khi leo giốc, thì có hò leo dốc. Khi đập đá thì có hò nện hay hò hụi. Tiết tấu rất nhanh, và theo nhịp đập đá. Người kẻ hát một đoạn, thì toàn thể hát "hụ là khoan" để làm tăng sức mạnh khi làm việc.

Ở miền Bắc, hò đẩy xe, hò kéo gỗ rất được phổ thông. Một người hát một câu thì cả đám hát rô khoan, rô khoan rô khuây hay hô khoan trong điệu bắt cái hô khoan hay bắt cá hò khoan do các người chài lưới hát. Ngoài ra, chúng ta còn tìm thấy điệu hò giã vôi và hò dứt chỉ ở miền Bắc nữa.

Hầu hết các điệu hò ở Việt Nam đều dùng thể thơ lục bát với thể thức thêm những chữ không có nghĩa vào như "là hụ là khoan, rô khoan rô khuây", vv... Với nghệ thuật ngắt câu khác nhau tùy theo từng điệu hò hoàn toàn khác biệt và phong phú qua tài sáng tác của các người dân quê, kho tàng dân ca do đó ngày càng to lớn hơn và xuyên qua các lời ca trong điệu hò, chúng ta thấy một nền văn chương bình dân phản ánh trung thực ngôn ngữ của tiếng nói Việt Nam.

LÝ

Miền Nam có rất nhiều điệu hò và lý. Những bài nào không thuộc vào hò thì là lý. Có Lý chim khuyên, Lý bông lựu, Lý chuồn chuồn, Lý cây chanh, Lý chè hương, Lý bỏ bìa, Lý con khi đốt, Lý ngựa ô, Lý qua kêu.

Lời ca rất mộc mạc, chỉ hai câu thơ lục bát trong bài Lý chim khuyên như:

Chim khuyên ăn trái nhãn lồng

Lia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi

mà được hát thành:

Chim khuyên (quây a) ăn trái (quây a)

Nhân lòng (à), nhân lòng, ở con bạn mình ơi !

Lia thia (quây a) quen chậu (quây a)

Vợ chồng (à), vợ chồng, ở con bạn quen hơi.

Miền Trung có thể nói là trung tâm của các điệu lý và hò. Lý có nghĩa là hát của giai cấp dân quê (do chữ lý làng mà ra), so với Ca Huế thuộc giai cấp vua chúa, quan liêu trí thức. Tất cả điệu lý được thoát thai từ các bài hát chèo, ca Huế, hát tuồng, và hát cải lương.

Điệu lý giao duyên bốn mùa hay lý vọng phu được hát theo điệu Nam ai Trung chuyển sang Ai Oán Nam khi xuống tới miền Nam và trở thành lý bốn mùa hay lý ru con. Thể thơ được dùng là thất ngôn:

Thí dụ như:

Giãi sông Ngân mây rầu rầu chuyển

Một bước đường trời biển chia hai

Hỡi nàng nàng ơi !

Anh dặn một lời xưa nhớ đừng quên.

Từ đó các nhà nho mới đem vào Ca Huế và đổi tên lại thành lý giao duyên 12 tháng như:

Đầu tháng giêng mãn thiên xuân sắc

Ai nấy vui mừng thiếp bắt mắt trông

Qua tháng hai bông hoa nhài ướp nở

Thiếp luống trông chàng vừa trở gió đông, vv...

Hát giao duyên với loại thơ thất ngôn cũng được dùng trong hát chèo.. Đến khi bài Lý giao duyên được sử dụng với thể thơ lục bát qua hai câu thơ:

Ai đem con sáo sang sông

Để cho con sáo sổ lồng bay xa.

Thì lại được đổi lại là Lý con sáo. Điệu Lý con sáo rất được quảng bá ở ba miền Bắc, Trung, Nam. Mỗi miền với thang âm đặc thù đã tạo ra ba điệu lý khác nhau: Lý con sáo Bắc, Lý con sáo Trung, và Lý con sáo Nam. Ngoài ra, chúng ta còn biết thêm một điệu Lý con sáo nữa là Lý con sáo Quảng.

Ở Thừa Thiên, khi hát bài lý con sáo, thay vì hát đoạn "ơi người ơi", lại hát "tang tình tang". Bài lý con sáo được gọi là Lý tình tang, và khi hát bài 10 thương thì được đổi thành lý mười thương.

Các điệu lý đều dựa trên thể thơ lục bát trên âm giai tứ cung như bài lý ba cô, lý lượn, hoặc âm giai ngũ cung như bài lý bắt bướm hay lý cây đa.

Nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát của người Việt rất tài tình. Qua hai bài Lý con sáo Trung và Nam, chúng ta nhận thấy dân tộc Việt Nam đưa vào những tiếng đệm bằng cách lặp lại những chữ trong câu chẳng hạn như "í a, ó tang tình tang", vv mà làm cho nhạc điệu trở nên phong phú vô cùng.

Dân ca do đó đi sâu vào lòng dân và đôi khi còn ảnh hưởng rất mạnh vào nhạc thính phòng Ca Huế hay Dân Tà Từ miền Nam hoặc vào các điệu hát Chèo, Cải lương.

Hát hội

Hát hội là loại hát đối giữa trai gái tùy hứng ca hát đối đáp thi tài cao thấp trong những dịp lễ đầu xuân hay thu, hoặc khi đêm trăng thanh gió mát sau một ngày làm việc mệt nhọc ngoài đồng.

Hát hội có nhiều loại: hát trống quân, hát quan họ, cò lả ở vùng Bắc Ninh, hát đúm ở Hải Dương, hát phường vải ở Nghệ Tĩnh, hát gheo ở Thanh Hóa, hát xoan ở Phú Thọ, vv..

Hát hội hay hát đối đều mang những đặc điểm chung như sau:

Người hát, làng xã, phải đối nhau chẳng hạn nhóm nam ca sĩ đối lại với nhóm nữ ca sĩ, và thuộc làng xã khác nhau

Hầu hết đều là tình ca để đưa đến hôn nhân.

Đặc tính đoàn thể rất được nhấn mạnh, như trong quan họ có tục kết bạn và phải thuộc vào gia đình quan họ. Truyền thống này được thấy ở hát gheo ở Thanh Hóa, và hát xoan ở Phú Thọ có tục lệ "nước nghĩa". Thi đua là một trong những đặc tính quan trọng. Trong một cuộc hát đối, các người hát thi đua về trí nhớ, lời ca, óc nhạy bén, phải tùy cơ ứng biến, khi gặp khó khăn, tài sáng tác tùy hứng, và kỹ thuật ca hát phải có trình độ cao. Do đó, các làng xã xưa ta thường hay tổ chức hát lấy giải.

Đặc tính bán chuyên nghiệp. Người hát quan họ phải thuộc một số bài căn bản, phải luyện tập thường xuyên. Do đó mới có tục lệ ngủ bọn, nghĩa là các người hát cùng chung một nhóm thường tụ họp ở nhà của một người trong bọn, ăn ngủ tại đó để có thì giờ học tập với nhau và tập hát gọi là bế giọng

Hát hội xảy ra trong một phạm vi địa lý nhỏ hẹp, như là ở Bắc Ninh, Thanh Hóa, Phú Thọ miền Bắc xứ Việt Nam mà thôi.

Mỗi cuộc thi hát như thế thường chia làm ba hay bốn giai đoạn:

Hát mời ăn trầu trong trống quân

Hát giọng lẻ lối trong quan họ

Hát dạo, hát chào, hát mừng, hát hỏi trong hát phường vải

Hát dạo, hát mừng, hát thăm trong hát ghẹo

Sau khi hát mở đầu thì đến phần hát thi. Phần này, bắt đầu các bài hát khó vì phải sáng tác tại chỗ, như hát trả lời câu đố trong trống quân, giọng sống, giọng vật trong quan họ, hát đố, hát đối trong phường vải, và hát đối, hát đố, hát xe kết trong hát ghẹo. Chẳng hạn như trong bài hát trả lời câu đố trong trống quân, bên gái ra câu đố thì bên trai phải giải cho trúng và đố lại. Bên nào không đối được thì kể như thua. Loại hát này được đệm bằng một nhạc khí đặc biệt là cây trống quân hay thổ cồng. Một cây mây dài bốn, năm thước căng vòng cầu bắt ngang một cái hồ được đào ngay điểm giữa cây mây. Một người hát đánh vào cây mây để đệm, tạo âm thanh giống như tiếng trống.

Cuộc thi hát tiếp tục sang giai đoạn ba với các bài hát khen tặng trong trống quân, hát mời, hát xe kết trong phường vải, và giọng hãm, giọng huỳnh trong quan họ.

Sau cùng là hát tiễn như trong phường vải, hát già bạn trong quan họ, hát thề, hát dặn, hát tiễn trong hát ghẹo.

Hò, lý, hát hội với Trống quân, Quan Họ, Hát phường vải, Hát ghẹo, Hát xoan, cò lả, vv... rất gần với chúng ta qua lời ca đơn giản, diễn đạt tất cả hình ảnh sống động của xã hội nông thôn Việt Nam và mỗi người hát là một nhà thơ.

HÁT VÈ / NÓI VÈ

Vè là một bài văn kể một chuyện đặc biệt xảy ra và ngụ ý khen chê. Bài văn làm theo thể thơ bốn chữ, năm chữ, lục bát, hay song thất lục bát hoặc các thể thơ biến thể. Hát những câu vè thường lấy giọng đọc lên, không có đệm trên, đệm giữa, hay đệm dưới như các lối hát dân ca khác, nhưng dựa trên nhịp 2/4. Ở miền Nam, những câu vè về trái cây, các loại cá, các thứ bánh, vv... ngoài lối vè kể chuyện. Các câu vè thường bắt đầu bằng sáu chữ

Nghe vè nghe vè Nghe vè.....

Thí dụ vè trái cây:

Nghe vè nghe vè

Nghe vè trái cây

Dây ở trên mây

Là trái đậu rồng

Có vợ có chồng

Là trái đu đủ

Chặt ra nhiều múi

Là trái mít ướt

Hình tựa gà xước

Vốn thiệt trái thơm

Cái đầu chom bom

Đúng là bắp nâu

Hình thù xấu xấu

Trái cà dái dê

Ngứa mà gãi mê

Là trái mắt mèo v.v.

Hát vè để tiêu khiển trong lúc làm việc, hát lúc nhàn rỗi một mình. Hát vè không có nhạc, nhưng có tiết điệu. Gần đây ở Việt Nam, có nhiều nhóm nhạc trẻ đã chuyển hát vè thành nhạc Rap rất được ưa thích.

Dân ca Việt Nam rất phong phú, đa dạng, dính liền với bài ca hơn là với dân nhạc, và nhạc khí. Dân ca đi liền với tiếng hát ru, đồng dao, trò chơi trẻ em, đến các điệu hò, lý, các điệu hát trong khi làm việc, trong các lễ hội tạo cơ hội cho thế hệ gặp nhau qua các loại hát giao duyên, qua tục "nước nghĩa", "kết bạn", "ngủ bọn". Mức sáng tác bài bản mới vượt qua những thể loại nhạc cung đình, nhạc bác học, nhạc thánh phòng và đưa vào trong văn chương bình dân những đóng góp đáng kể (hát quan họ, hát phường vải).

Phần nhiều chỉ có tùy hứng lời trên một điệu nhạc (hát trống quân, cò lả). Chỉ có hát quan họ là vừa sáng tác lời lẫn nhạc. Hiện có trên 700 làn điệu khác nhau trong truyền thống hát quan họ. Hiểu được dân ca Việt Nam sẽ mang lại một niềm tự hào cho chính mình, tạo một sự hạnh diện trong lòng khi xứ mình có

một nền văn học dân gian phong phú. Ngoài dân tộc Việt hay Kinh, chúng ta còn có 53 sắc tộc anh em sống rải rác trên khắp lãnh thổ Việt Nam với hàng trăm thể loại dân ca, nhạc khí hoàn toàn khác với dân tộc Việt. Đó là đề tài nghiên cứu trong tương lai.

Trần Quang Hải
Paris, Pháp

Sách tham khảo

- Bảo Vân 1979: Tục ngữ, ca dao và dân ca, nxb Quê Hương, 304 trang, Toronto, Canada.
- Đào Việt Hưng 1999: Tìm hiểu điệu thức dân ca người Việt Bắc Trung Bộ, nxb Viện Âm Nhạc, Hà Nội.
- Đặng Văn Lung, Hồng Thao, Trần Linh Quý 1978: Quan Họ: nguồn gốc và quá trình phát triển, nhà xuất bản Khoa Học xã hội, 527 trang, Hà Nội.
- Lê Giang, Lê Anh Trung 1991: Những bài hát ru, nxb Văn Nghệ, 180 trang, TP Hồ Chí Minh.
- Lư Nhất Vũ 1981: Dân ca Bến Tre, Ty Văn Hóa và Thông Tin Bến Tre, 346 trang, Bến Tre.
- Lư Nhất Vũ, Lê Giang, Nguyễn Văn Hoa 1985: Dân ca Kiên Giang, Sở Văn Hóa và Thông Tin Kiên Giang, 483 trang, Kiên Giang.
- Lư Nhất Vũ, Lê Giang, Nguyễn Văn Hoa, Thạch An 1986: Dân ca Cù Long, Sở Văn Hóa và Thông tin Cù Long, 391 trang, Cù Long.
- Lư Nhất Vũ, Lê Giang, Nguyễn Văn Hoa, Minh Luân 1986: Dân ca Hậu Giang, Sở Văn Hóa và Thông Tin Hậu Giang, 666 trang, Hậu Giang.
- Lư Nhất Vũ, Lê Giang (chủ biên) 1995: Dân ca Đồng Tháp, nxb Tổng Hợp Đồng Tháp, 520 trang, Đồng Tháp.
- Lưu Hữu Phước, Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Viêm, Tú Ngọc 1962: Dân ca Quan Họ Bắc Ninh, nxb Văn Hóa, Viện Văn Học, 340 trang, Hà Nội.
- Nguyễn Chung Anh 1958: Hát Ví Nghệ Tĩnh, 147 trang, Hà Nội.
- Nguyễn Đồng Chi, Ninh Viết Giao 1942: Hát Giặm, quyển 1, 348 trang, Hà Nội 1944: Hát Giặm, quyển 2, 340 trang, Hà Nội.
- Nguyễn Trọng Ánh 2000: Âm nhạc Quan Họ, nxb Viện Âm Nhạc, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Huyền 1934: Les Chants Alternés des Garçons et des Filles en Annam, Paul Gueuthner, 224 trang, Paris, Pháp.
- Nguyễn Văn Huyền 1997: "Hát đối của nam nữ thanh niên ở Việt Nam", Nghiên Cứu Văn Nghệ Dân Gian Việt Nam, tập 1, nhiều tác giả, nxb Văn Hóa Dân Tộc, trang 11-216, Hà Nội.
- Nhóm Lam Sơn 1965: Dân ca Thanh Hóa, nxb Văn Học, 286 trang, Hà Nội.
- Phạm Duy 1975: Musics of Vietnam (Nhạc Việt Nam), Dale R. Whiteside (xb) Southern Illinois University Press, Carbondale, Hoa Kỳ.
- Toan Ánh 1970: Cầm Ca Việt Nam, nxb Lá Bối, 270 trang, Saigon.
- Trần Quang Hải 1989: Âm Nhạc Việt Nam, biên khảo, nxb Bắc Đẩu, 361 trang, Paris, Pháp.
- Trần Văn Khê 1967: Vietnam (les traditions musicales) (Việt Nam, truyền thống âm nhạc), nxb Buchet/Chastel, 224 trang, Paris, Pháp (tái bản năm 1996).
- Trần Việt Ngữ, Thành Duy 1976: Dân ca Bình Trị Thiên, nxb Văn Học, 342 trang, Hà Nội.
- Tú Ngọc 1981: Bước đầu tìm hiểu hát Xoan Vĩnh Phú, Ty Văn Hóa Thông tin Vĩnh Phú.
- Tú Ngọc 1994: Dân ca người Việt, nxb Âm Nhạc, Viện Âm Nhạc, Hà Nội. (Giải thưởng Hội Nhạc sĩ Việt Nam 1995)
- Tú Ngọc 1997: Hát Xoan: dân ca lễ nghi -phong tục, nxb Viện Âm Nhạc, 216 trang, Hà Nội.

Danh sách đĩa hát CD nhạc Việt Nam

1. Vietnam / Reves et Realite: Tran Quang Hai et Bach Yen
(Việt Nam / Giác Mơ và Sự Thật : Trần Quang Hải và Bạch Yến) 1988. Nhà xuất bản (CD) Playasound PS 65020, Paris, Pháp.
2. Fêtes Traditionnelles Vietnamiennes / Trần Quang Hai & Bach Yên (Lễ Truyền Thống Việt Nam / Trần Quang Hải và Bạch Yến) 1996. Nhà xuất bản (CD) Studio SM, Paris, Pháp.
3. Khắc Chi Ensemble / Moonlight in Vietnam. (Ban Khắc Chí / Ánh Trăng Việt Nam) 1997. Nhà xuất bản (CD) Henry Street Records HSR 000, Canada..

4. Songs of the Banyan - Phong Nguyên Ensemble, 1997. Nhà xuất bản Latitude LAT 50607, North Carolina, Hoa kỳ.

Đĩa CD phát hành tại Việt Nam

1. Làng Quan Họ (Village in Quan Họ) . Nhà xuất bản VMI (Vietnam Musicology Institute), CD1, Hà Nội .
2. Thuyền Quan Họ (The Boat in Quan Họ) Nhà xuất bản VMI (Vietnam Musicology Institute), CD2, Hà Nội.
3. Tình Quan Họ (The Love in Quan Họ) . Nhà xuất bản VMI (Vietnam Musicology Institute), CD3, Hà Nội.
4. Trăng Quan Họ (The Moon in Quan Họ) . Nhà xuất bản VMI (Vietnam Musicology Institute), CD4, Hà Nội.
5. Về với Huế (Coming to Huế) . Nhà xuất bản VMI (Vietnam Musicology Institute), Hà Nội.
6. Hò Sông Mã (Tunes of Mã River) . Nhà xuất bản VMI (Vietnam Musicology Institute), Hà Nội.
7. Hát Ru (Lullabies) . Nhà xuất bản VMI (Vietnam Musicology Institute), Hà Nội.
8. The Best of Vietnamese Folk Songs and Music . Nhà xuất bản VMI (Vietnam Musicology Institute), Hà Nội.

Những đĩa hát CD phát hành tại Việt Nam từ 1995 trở đi . Ngoài ra Viện Âm Nhạc bắt đầu xuất bản loại đĩa VCD, vừa có nhạc lẫn hình từ năm 1999.